

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 100/2019/HS-ST

Ngày: 27-11-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bạch Tuyết

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Bá Sơn

Bà Trần Thị Hồng

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ H Giang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa:
Ông Trần Xuân H1 - Kiểm sát viên

Ngày 27 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở, Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 100/2019/TLST-HS ngày 11 tháng 11 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 96/2019/QĐXXST- HS ngày 12 tháng 11 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Lê Văn H; sinh năm 1992; nơi sinh, ĐKHKT và chỗ ở: Xóm 16, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định; giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Đạo thiên chúa; trình độ văn hóa: 9/12; nghề nghiệp: Tự do; con ông Lê Văn Đ, sinh năm 1955 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1958; gia đình có 7 anh chị em, bị cáo là con thứ năm. Bị cáo chưa có vợ, con; tiền án: Bản án hình sự sơ thẩm số 66/2013/HSST ngày 26/11/2013 của Tòa án nhân dân (TAND) huyện H, tỉnh Nam Định xử phạt 48 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 136 BLHS năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 và 24 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009, tổng hợp hình phạt của cả 2 tội là 72 tháng tù; tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 12/9/2019 đến ngày 19/9/2019 chuyển tạm giam tại Trại tạm giam - Công an tỉnh Nam Định (Có mặt).

2. Họ và tên: Phạm Văn P; sinh năm 1994; nơi sinh, ĐKHKT và nơi ở: Xóm 6, xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; dân

tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ văn hóa: 9/12; nghề nghiệp: Tự do; con ông Phạm Văn Q, sinh năm 1969 và bà Phạm Thị T, sinh năm 1969; gia đình có 3 chị em, bị cáo là con thứ hai. Bị cáo chưa có vợ, con; tiền án: Bản án hình sự sơ thẩm số 08/2014/HSST ngày 13/01/2014 của TAND tỉnh Thanh Hóa xử phạt 07 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích” theo khoản 3 Điều 104 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 09/9/2019 đến ngày 18/9/2019 chuyển tạm giam tại Trại tạm giam - Công an tỉnh Nam Định (Có mặt).

- *Người bị hại:* Vợ chồng anh Bùi Đức L và chị Đinh Thị H; trú tại: Đội 14, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định (Có mặt).

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan*

1. Anh: Lê Văn H1; sinh năm 1980; địa chỉ: Tổ 13 khu phố T, phường P, thị xã P, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu (Vắng mặt).

2. Chị: Lê Thị Hồng K; sinh năm 1999; địa chỉ: KTX C5, học viện Nông nghiệp Việt Nam, Thị trấn Q, huyện G, Thành phố Hà Nội (Có mặt).

3. Chị: Lê Thị T; sinh năm 1988; địa chỉ: 154/1/14 đường Cống Lở, phường 15, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

4. Anh: M2 Đăng M1; sinh năm 1995; địa chỉ: Xóm 6, xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa (Vắng mặt).

- *Người làm chứng:*

1. Chị Nguyễn Thị M2; sinh năm 1977; địa chỉ: Xóm 14, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định (Vắng mặt).

2. Chị Bùi Thị N2; sinh năm 1968; địa chỉ: Xóm 14, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định (Vắng mặt).

3. Anh Nguyễn Văn D2; sinh năm 1996; địa chỉ: Xóm 5, xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa (Vắng mặt).

4. Bà Phạm Thị T; sinh năm 1969; địa chỉ: Xóm 6, N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa (Có mặt).

5. Anh Phạm Văn Q; sinh năm 1969; địa chỉ: Xóm 6, xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa (Có mặt).

6. Anh Nguyễn Văn C; sinh năm 1980; địa chỉ: Xóm 5 xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa (Vắng mặt).

7. Anh Vũ Văn H; sinh năm 1957; địa chỉ: Xóm 8 xã Nga L, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa (Vắng mặt).

8. Anh Lê Gia C; sinh năm 1991; địa chỉ: Xóm N, xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa (Vắng mặt).

9. Anh Trần Văn D; sinh năm 1993; địa chỉ: Số 127 Trần Quốc H1, phường D, quận C, thành phố Hà Nội (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Văn P và Lê Văn H có quan hệ quen biết với nhau khi cùng cải tạo tại Trại giam số 5 - Bộ Công an. Ngày 31/8/2019, P chấp hành xong hình phạt về địa phương, đã L lạc với H để tìm cách kiếm tiền tiêu xài. H rủ P đi cướp tài sản tại các cửa hàng vàng ở trên địa bàn tỉnh Nam Định. P đồng ý và nói với H “Nếu cướp tiệm vàng thì phải làm nhanh rồi đi, anh chuẩn bị cho em bình xịt hơi cay với gậy ba khúc”. Sau đó P rủ H sang nhà P chơi để bàn bạc thêm việc đi cướp tài sản. Như đã hẹn, khoảng 8h ngày 06/9/2019 H điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu đen - xám, Biển kiểm soát (BKS): 59V1-079.64 đi từ nhà sang nhà P, có mang theo 01 ba lô, bên trong đựng quần áo, 01 bình xịt hơi cay, 01 đôi dép xăng đan và 01 gậy ba khúc. Khoảng 11h cùng ngày, anh Nguyễn Văn D2 (là anh họ của P), sinh năm 1996; trú tại: Xóm 5, xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Exciter màu xanh - bạc - đen, phần nhựa có dán logo của Câu lạc bộ bóng đá “Chelsea”, BKS: 36G1-284.92 chở P đi ra cầu Kênh để đón H về nhà anh Nguyễn Văn C (là anh ruột của anh Dương), sinh năm 1980 để ăn trưa. Sau đó H, P đi về nhà P. Khoảng 08h ngày 07/9/2019, P điều khiển xe mô tô của H đi ra ngoài mua 01 chiếc búa đóng đinh (Chiếc búa có đặc điểm: Một đầu vuông dùng để đóng đinh, một đầu dẹt chẻ giữa dùng để nhổ đinh; cán búa bằng gỗ dài khoảng 30cm, trên thân cán búa có viết số 22), đem về nhà đưa cho H cất giấu trong ba lô (P không nhớ địa điểm mua chiếc búa). P, H bàn bạc thống nhất, P mượn chiếc xe mô tô nhãn hiệu Exciter của anh Dương để đi cướp tài sản (Nếu bị truy đuổi thì sử dụng xe này sẽ chạy thoát nhanh được). H phân công cho P: “Em là người khác tính, nên đi vào bên trong tiệm vàng, thấy ai thì xịt hơi cay rồi dùng búa đập vào các góc của tủ kính cho dễ vỡ, vỡ vàng, rồi chạy ra ngoài đường, xe anh đợi sẵn để chạy”. Sau đó, H đưa cho P mặc bộ quần áo gió màu đen, có dán logo nhãn hiệu “Nike” và đi đôi dép xăng đan. Còn H mặc quần bò dài màu xanh

và áo khoác màu đen (áo khoác dạng hai mặt, một mặt màu đen, mặt còn lại màu tím), rồi cả hai đi sang nhà anh Nguyễn Văn D2 để mượn chiếc xe mô tô nhãn hiệu Exciter màu xanh - bạc - đen, BKS: 36G1-284.92. H đội mũ bảo hiểm màu xanh, có chữ “Caryn” (là mũ bảo hiểm của anh Dương treo sẵn trên xe) điều khiển xe chở P ngồi sau (P đội mũ bảo hiểm có lưỡi trai, dạng thời trang) đi theo hướng sang xã Hải Tân, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định. Khi đi đến khu vực bên đò Mười thuộc địa phận xã Khánh Thành, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình, H đưa cho P giữ 01 bình xịt hơi cay và P mua 01 chiếc khẩu trang kẻ tối màu với mục đích sử dụng để bịt mặt khi cướp tiệm vàng (P không nhớ địa điểm mua chiếc khẩu trang). Khi đi đến khu vực Đò Cau, thuộc địa phận xã Hải An, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định, H dùng chiếc cờ lê tháo BKS của xe mô tô cài vào trong cốp xe (Mục đích để tránh bị phát hiện khi đi cướp).

Khoảng 16h cùng ngày, khi đi đến địa phận xóm 14, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định, cả hai phát hiện cửa hàng vàng Đức L của anh Bùi Đức L. H dừng xe cách cửa hàng khoảng 100m, để P đeo găng tay, bịt khẩu trang, đội mũ bảo hiểm lưỡi trai màu đen, tay trái cầm bình xịt hơi cay, tay phải cầm búa, H tiếp tục điều khiển xe dừng trước cửa hàng vàng Đức L. P xuống xe, đi bộ vào cửa hàng thấy chị Nguyễn Thị M2 (là chị dâu anh L) đang ngồi trên ghế trong phòng khách đối diện cửa ra vào (BL 86 – 88); anh Bùi Đức L đang nằm trên võng, bên cạnh bộ bàn ghế chị M2 đang ngồi. Anh L thấy P đi vào, liền nhòe mắt thì bị P dùng bình xịt hơi cay xịt vào mặt, làm anh L bị cay mắt, ôm mặt, bò dưới nền nhà (BL 78, 79). P lùi lại khoảng 2 đến 3 bước chân thì nhìn thấy chị Đinh Thị H (là vợ anh L) đang đứng trong quầy (BL 93, 94). P liền dùng búa đập vào các vị trí khác nhau ở mép tủ kính có trưng bày vàng. P đập M1 nên phần đầu búa bị gãy rơi vào phía trong tủ kính, chị M2 chạy đến định ôm thì bị P xịt hơi cay vào mặt nên lùi lại. Sau đó P dùng tay trái luồn vào chỗ tủ kính bị vỡ, vơ vàng rồi bỏ chạy ra ngoài đường, lên xe H đợi sẵn, cả hai chạy thoát theo hướng ra đê biển (P đã bỏ lại phần cán búa bị gãy ở trước cửa hàng vàng Đức L). H tiếp tục điều khiển xe đi theo đường cũ về nhà P. Khi đến phà Thịnh Long, P đã vứt bỏ khẩu trang, găng tay, bình xịt hơi cay xuống sông. Đi đến đoạn đường vắng, H dừng xe, lắp BKS của xe rồi cả hai đi qua đò Mười. Khoảng 18h cùng ngày thì về đến nhà P. P kiểm tra lại số vàng đã cướp được tổng cộng là 04 chiếc kiềng vàng và 01 dây chuyền vàng, P đưa cả cho H. Lúc này anh Dương điều khiển xe của H đến đổi, lấy lại xe của mình. Khoảng 06h ngày 08/9/2019, H và P đem bán 01 chiếc kiềng vàng cho anh Vũ Văn H (là

chủ cửa hàng vàng Bằng Tiến, có địa chỉ ở xóm 8, xã Nga L, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa) được 7.800.000 đồng. H chia cho P 3.300.000 đồng. Số vàng còn lại, H đưa cho P 3 chiếc kiềng vàng (H để trong cốp xe mô tô của H, gửi ở nhà P), còn H giữ lại 01 dây chuyền vàng. Sau đó H đi xe khách về Thành phố Hà Nội, bán 01 dây chuyền vàng cho anh Trần Văn D (là chủ cửa hàng vàng Thị Loan, có địa chỉ ở số 127 đường Trần Quốc H1, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội) được 79.600.000 đồng. H tiếp tục đi tắc xi đến Học viện Nông Nghiệp Hà Nội ở thị trấn Trâu Quỳ, huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội cho em gái là chị Lê Thị Hồng K số tiền 10.000.000 đồng. Sau đó H mua vé máy bay để vào Thành phố Hồ Chí Minh, rồi đi xe khách đến tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu gặp anh trai là Lê Văn H1, có địa chỉ ở tổ 13, phố Tân Hạnh, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, cho anh H1 số tiền 50.000.000 đồng. Khoảng 2 ngày sau, H đi xe khách quay lại Thành phố Hồ Chí Minh, tìm gặp chị gái là chị Lê Thị T, có địa chỉ: Số 154/1/14 đường Công Lữ, phường 15, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh cho chị T1 số tiền 4.000.000 đồng. Số tiền còn lại H đã chi tiêu cá nhân hết. Ngày 12/9/2019, do không còn tiền, H đã gặp lại chị T1 để lấy 1.000.000 đồng thì bị Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh Nam Định phát hiện bắt giữ.

Sáng ngày 09/9/2019 P rủ bạn là M2 Đăng M1; trú tại: Xóm 6, xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa đi mua quần áo. Do đã tiêu hết tiền, nên P mượn ví của anh M1, bên trong có đựng khoảng 1.000.000 đồng để mua quần áo. Sau đó, cả hai đi đến cửa hàng vàng Phú Tài, ki ốt 57, chợ huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa. P bảo anh M1 đứng ngoài, còn P đi vào, bán 03 kiềng vàng cho anh Lê Gia C (là chủ hiệu vàng) được 26.170.000 đồng. P đưa số tiền 20.000.000 đồng để anh M1 gửi vào tài khoản nhờ cất giữ hộ. Số tiền còn lại P để vào ví của anh M1 để tiêu xài (BL 192 – 218). Sau đó cả hai đi mua đồ ăn trưa, P trả tiền xong, rồi đưa lại ví cho anh M1 (BL 264). Ăn trưa xong, P đi ra ngoài đường nghe điện thoại thì bị Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh Nam Định bắt giữ.

Quá trình khám nghiệm hiện trường thu giữ: Trong tủ kính trưng bày vàng 01 búa kim loại (dạng búa đinh), đầu búa kích thước (10 x 2.5) cm, cán gỗ đã bị gãy một phần dài 17 cm, trên cán búa có dòng số “22” viết bằng mực màu đen; Mép đường TL488C, khu vực trước cửa hiệu vàng Đức L thu giữ đoạn còn lại của cán búa có kích thước (29 x 3.5) cm.

Cơ quan CSĐT – Công an tỉnh Nam Định tiến hành cho anh Lê Gia C nhận dạng Phạm Văn P. Anh Cường nhận ra P là người đã bán vàng cho anh. Tiến hành

cho ông Phạm Văn Q (bố đẻ của P) và anh Vũ Văn H nhận dạng Lê Văn H. Ông Quang đã nhận ra H là người đến nhà ông ngày 06/9/2019 và đến ngày 07/9/2019 cùng P mượn xe mô tô của Dương đi Nam Định đến chiều tối cùng ngày về. Còn anh Vũ Văn H nhận ra Lê Văn H là người đã bán vàng cho anh.

Kết luận định giá tài sản ngày 03/10/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự tỉnh Nam Định kết luận: 30,83 chỉ vàng 999 có giá là 127.944.500 đồng (BL 33).

Tại Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh Nam Định, Phạm Văn P, Lê Văn H đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Bản Cáo trạng số 89/CT-VKS-P3 ngày 08/11/2019 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định đã truy tố: Các bị cáo Lê Văn H và Phạm Văn P về tội “Cướp tài sản” theo các điểm đ, h khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 (BLHS).

Tại phiên toà, các bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, xin lỗi bố mẹ, gia đình bị hại và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Người bị hại đề nghị xét xử bị cáo theo quy định của pháp luật, xin được nhận khoản tiền 79.000.000đồng cơ quan điều tra đã thu giữ và đề nghị buộc các bị cáo bồi thường số tiền còn thiếu theo kết quả định giá.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định luận tội: Giữ nguyên nội dung cáo trạng và quyết định đã truy tố, sau khi đánh giá tính chất mức độ hành vi phạm tội, vị trí vai trò, nhân thân từng bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các điểm đ, h khoản 2 Điều 168, điểm s khoản 1 Điều 51 đối với các bị cáo; điểm t khoản 1 Điều 51 BLHS đối với riêng bị cáo Phạm Văn P, tuyên phạt: Bị cáo Lê Văn H từ 11 năm đến 12 năm tù; Phạm Văn P từ 10 năm đến 11 năm tù về tội “Cướp tài sản”; áp dụng hình phạt bổ sung phạt tiền đối với các bị cáo từ 10.000.000đ đến 15.000.000đ, buộc các bị cáo bồi thường cho người bị hại số tiền chưa thù hồi được và áp dụng Điều 47 của BLHS, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự (BLTTHS) để xử lý vật chứng, tuyên trả cho người bị hại số tiền 79.000.000đồng đã thu giữ; tịch thu hoá giá sung quỹ Nhà nước 02 điện thoại di động thu giữ của các bị cáo, tuyên trả lại cho bị cáo H chiếc đồng hồ đeo tay và tịch thu tiêu huỷ các vật chứng còn lại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Nam Định, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của BLTTHS. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, xác định các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án đều hợp pháp.

[2] Về tố tụng: Một số người có quyền lợi nghĩa vụ L quan và một số người làm chứng đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, xét việc vắng mặt của những người này không gây trở ngại cho việc xét xử, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt họ theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 290 và khoản 1 Điều 292 BLTTHS.

[3] Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra; lời khai của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ L quan, người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã có đủ căn cứ kết luận: Lê Văn H và Phạm Văn P có quen biết với nhau khi cùng cải tạo tại Trại giam số 5 - Bộ Công an. Sau khi ra trại, H rủ P đi cướp tài sản tại các cửa hàng vàng trên địa bàn tỉnh Nam Định. H phân công P sẽ là người trực tiếp thực hiện hành vi cướp tài sản, còn H là người đứng ngoài đường, điều khiển xe mô tô đơri sẵn, hỗ trợ cho P. Sau khi bàn bạc, thống nhất, khoảng 16h ngày 07/9/2019 tại cửa hàng vàng Đức L của anh Bùi Đức L, có địa chỉ ở xóm 14, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định, Phạm Văn P có hành vi sử dụng bình xịt hơi cay tấn công anh L, chị Nguyễn Thị M2, chị Đinh Thị H, làm cho anh L, chị M2, chị H lâm vào tình trạng không thể chống cự được, sau đó dùng búa đập vỡ tủ kính lấy đi 04 kiềng vàng và 01 dây chuyền vàng có tổng giá trị là 127.944.500 đồng, rồi lên xe mô tô Lê Văn H đơri sẵn để cùng bỏ chạy. Nhân thân các bị cáo đã bị kết án về tội phạm rất nghiêm trọng do cố ý, chưa được xóa án tích nay lại thực hiện hành vi phạm tội về tội phạm rất nghiêm trọng do cố ý. Vì vậy, các bị cáo đều phải chịu tình tiết định khung tăng nặng là “Tái phạm nguy hiểm”. Hành vi đó của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cướp tài sản” theo các điểm đ, h khoản 2 Điều 168 BLHS “Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng” và

“Tái phạm nguy hiểm” như quan điểm truy tố và luận tội của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định là có căn cứ.

[4] Xét vị trí, vai trò, tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo thấy rằng: Hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm đến quyền bất khả xâm phạm về nhân thân và quyền sở hữu tài sản là các quyền cơ bản của công dân được bảo vệ bằng pháp luật hình sự, đồng thời đã xâm phạm đến trật tự công cộng, gây dư luận rất xấu trong xã hội và tâm lý hoang mang trong quần chúng nhân dân. Các bị cáo đều là những người có đủ năng lực nhận biết hành vi của bản thân là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố tình thực hiện. Hành vi cướp diễn ra ngay giữa ban ngày trước mặt nhiều người trong gia đình bị hại đã thể hiện sự táo bạo, liều lĩnh, trắng trợn, bất chấp coi thường luật pháp của các bị cáo. Nhân thân các bị cáo đều đã có tiền án, chưa được xoá án nhưng không lấy đó làm bài học sâu sắc cho bản thân, tiếp tục có hành vi phạm tội với tính chất mức độ ngày càng nghiêm trọng hơn. Vì vậy, hành vi của các bị cáo cần phải được xử lý thật nghiêm khắc, mới đủ khả năng trừng trị, răn đe, giáo dục đối với các bị cáo và mới đáp ứng công cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm, nhất là trong thời điểm hiện nay loại tội phạm xâm phạm tính mạng, sức khỏe, xâm phạm sở hữu, đang có chiều hướng gia tăng, đòi hỏi các cơ quan tiến hành tố tụng có nghĩa vụ tập trung xử lý bảo đảm tính nghiêm minh, để kịp thời đấu tranh, ngăn chặn, đẩy lùi loại tội phạm này trong xã hội.

[5] Về vị trí vai trò của các bị cáo: Xác định bị cáo Lê Văn H là người khởi xướng, chủ mưu trong việc thực hiện hành vi “Cướp tài sản” của gia đình anh L, là người đứng ra phân công nhiệm vụ, đồng thời chủ trì trong việc phân chia số tài sản đã chiếm đoạt được, nên giữ vai trò cầm đầu trong vụ án. Đối với bị cáo Phạm Văn P, là đối tượng vừa đi tập trung cải tạo 7 năm tù về nhà chưa tròn một tuần đã nhanh chóng gọi điện L lạc với bị cáo H tìm cách kiếm tiền tiêu sài, sau khi nghe H đưa ra gợi ý việc thực hiện hành vi cướp tài sản tại các cửa hàng vàng, P đã tiếp nhận ngay ý chí, chủ động yêu cầu H và tự chuẩn bị công cụ, phương tiện phạm tội, sau đó bị cáo P chính là người đã trực tiếp thực hiện hành vi “Cướp tài sản”, nên tính chất mức độ hành vi phạm tội của P cũng nguy hiểm cho xã hội gần như tương đương so với bị cáo H.

[6] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự (TNHS) và nhân thân các bị cáo: Các bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng định khung “Tái phạm nguy hiểm, nên không phải chịu tình tiết tăng nặng TNHS nào theo quy định tại Điều 52

BLHS. Nhân thân bị cáo Lê Văn H đã có tiền án 72 tháng tù về các tội “Cướp giật tài sản” và “Trộm cắp tài sản”. Bị cáo Phạm Văn P, đã có tiền án 07 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Cả hai bị cáo đều chưa được xoá án. Về tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ “Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải” quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS. Bị cáo P đã tích cực hợp tác với cơ quan điều tra để điều tra khám phá về vụ án, nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51 BLHS “Người phạm tội tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong việc phát hiện tội phạm hoặc trong quá trình giải quyết vụ án”.

[7] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội nhằm mục đích vụ lợi, với tính chất rất nghiêm trọng, nên cần áp dụng hình phạt bổ sung, phạt tiền đối với bị cáo để tăng cường áp lực của việc ngăn chặn phòng ngừa, đẩy lùi loại tội phạm này trong xã hội.

[8] Đối với các anh Vũ Văn H, Lê Gia C và Trần Văn D, quá trình mua lại vàng của P và H không biết nguồn gốc số vàng do H, P phạm tội mà có. Anh Nguyễn Văn D2 không biết P mượn xe mô tô của mình để đi thực hiện tội phạm. Anh M2 Đăng M1 không biết nguồn gốc số tiền P gửi nhờ là do phạm tội mà có. Đối với các anh chị em ruột của H gồm chị Lê Thị Hồng K, anh Lê Văn H1 và chị Lê Thị T, được H cho tiền nhưng không biết số tiền H đưa có nguồn gốc do H phạm tội mà có, nên Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh Nam Định không đề cập xử lý các đối tượng này và trả lại xe cho anh Dương là phù hợp.

[9] Đối với hành vi sử dụng búa đập vỡ tủ kính trưng bày vàng để cướp vàng của Phạm Văn P: Sau khi xảy ra vụ việc, anh Bùi Đức L đã thay toàn bộ phần tủ kính của cửa hàng hết 1.600.000 đồng, anh L không có đề nghị gì về việc bồi thường tài sản bị hủy hoại. Số tiền anh L thay kính chưa đến 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) nên Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Nam Định không xem xét xử lý đối với Phạm Văn P về hành vi hủy hoại tài sản là phù hợp.

[10] Về trách nhiệm dân sự: Do tài sản H và P đã bán không thu hồi được, nên cần buộc các bị cáo có trách nhiệm trả cho người bị hại bằng giá trị theo kết quả định giá số tiền là 127.944.500đ. Hiện đã thu hồi được 79.000.000đ. Chị Lê Thị Hồng K thừa nhận được bị cáo H cho 10.000.000đ, đến nay được biết là khoản tiền do H phạm tội mà có, do tài sản tặng cho có nguồn gốc từ tội phạm nên hợp đồng tặng cho giữa bị cáo H và chị K không có hiệu lực, chị K có nghĩa vụ trả

lại khoản tiền đó cho những người bị hại, số tiền còn thiếu là do các bị cáo đã chi tiêu hết, cần buộc các bị cáo có nghĩa vụ bồi thường cho những người bị hại.

[11] Về xử lý vật chứng: Tuyên trả cho người bị hại số tiền đã thu giữ của: Bị cáo Lê Văn H 1.000.000 đồng (một triệu đồng); anh M2 Đăng M1 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng); anh Lê Văn H1 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng); chị Lê Thị T 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng). tổng 79.000.000 đồng (Bảy mươi chín triệu đồng).

[12] Tuyên trả lại cho bị cáo Lê Văn H: 01 đồng hồ có chữ RADO, kim loại màu trắng, mặt tròn, đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong vì không liên quan đến tội phạm, nhưng tạm giữ để bảo đảm thi hành án.

[13] Tịch thu hoá giá sung quỹ Nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105, màu đen, gắn sim số 0961036121 đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong của Phạm Văn P; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6, màu vàng, đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong đã thu giữ của Lê Văn H.

[14] Tịch thu tiêu huỷ các vật chứng còn lại.

[15] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của BLTTHS và các điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điểm đ, h khoản 2 Điều 168, điểm s khoản 1 Điều 51, các Điều 17, 58 BLHS đối với các bị cáo; điểm t khoản 1 Điều 51 BLHS đối với riêng bị cáo Phạm Văn P,

1. Tuyên bố: Các bị cáo Lê Văn H và Phạm Văn P phạm tội “Cướp tài sản”;

2. Xử phạt: Bị cáo Lê Văn H 11 (Mười một) năm tù. Thời hạn tù của bị cáo tính từ ngày 12/9/2019;

Bị cáo Phạm Văn P 10 (Mười) năm tù. Thời hạn tù của bị cáo tính từ ngày 09/9/2019;

3. Hình phạt bổ sung: Căn cứ khoản 6 Điều 168 BLHS, phạt tiền bị cáo Lê Văn H 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng); bị cáo Phạm Văn P 10.000.000đ (Mười triệu đồng) sung quỹ Nhà nước;

4. Về trách nhiệm dân sự: Buộc các bị cáo Lê Văn H và Phạm Văn P có nghĩa vụ trả lại cho anh Bùi Đức L và chị Đinh Thị H số tiền 39.944.500 đồng (Ba mươi chín triệu chín trăm bốn mươi bốn ngàn năm trăm đồng). Chia phần mỗi bị cáo 19.972.250 đồng (Mười chín triệu chín trăm bảy mươi hai ngàn hai trăm năm mươi đồng).

Buộc chị Lê Thị Hồng K có nghĩa vụ trả lại cho anh Bùi Đức L và chị Đinh Thị H số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng);

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người phải thi hành án chậm thanh toán tiền thì còn phải chịu lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án;

6. Xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 của BLHS; điểm a khoản 2 Điều 106 của BLTTHS,

Tuyên trả cho người bị hại là vợ chồng anh Bùi Đức L và chị Đinh Thị H số tiền 79.000.000 đồng (Bảy mươi chín triệu đồng) đã thu giữ;

Tuyên trả lại cho bị cáo Lê Văn H: 01 đồng hồ có chữ RADO, kim loại màu trắng, mặt tròn, đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong, nhưng tạm giữ để bảo đảm thi hành án;

Tịch thu hoá giá sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105, màu đen, gấn sim số 0961036121 đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong của Phạm Văn P; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6, màu vàng, đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong đã thu giữ của Lê Văn H;

Tịch thu tiêu huỷ các vật chứng còn lại.

(Chi tiết trong biên bản giao, nhận tài sản thi hành án số 13/20 ngày 22/11/2019 giữa Công an tỉnh Nam Định và Cục Thi hành án tỉnh Nam Định);

7. Án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của BLTTHS, các điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

Buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm;

Án phí dân sự: Mỗi bị cáo phải nộp 998.000 đồng (Chín trăm chín mươi tám ngàn đồng);

Các bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì các bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các bị cáo;
- Những người bị hại;
- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- TAND+VKSND Cấp cao tại Hà Nội;
- Tỉnh uỷ tỉnh Nam Định;
- Công an tỉnh Nam Định;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Nam Định;
- UBND xã Hải Tây, Hải Hậu;
- Cục THADS tỉnh Nam Định;
- Lưu hồ sơ vụ án + VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Bạch Tuyết

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NAM ĐỊNH**

Số: /TA-HS

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Nam Định, ngày 15 tháng 11 năm 2019

Kính gửi: Thường trực Tỉnh ủy Nam Định
Ban Nội chính Tỉnh ủy Nam Định

Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định đã thụ lý vụ án vào ngày 11/11/2019 và có kế hoạch đưa ra xét xử vào ngày 27/11/2019 theo trình tự sơ thẩm vụ án hình sự đối với bị cáo Lê Văn H và đồng phạm bị Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định truy tố về tội “Cướp tài sản”.

Thực hiện Chỉ thị số 15-CT/TW của Bộ Chính trị về sự lãnh đạo của Đảng đối với các cơ quan bảo vệ pháp luật trong công tác điều tra, xử lý các vụ án trọng điểm và Công văn số 878-CV/TU Tỉnh ủy về việc yêu cầu báo cáo diễn biến quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định xin báo cáo như sau:

I. Những người tham gia tố tụng:

*** Các bị cáo:**

1. Họ và tên: Lê Văn H; tên gọi khác: Không; giới tính: Nam; sinh năm 1992; ĐKKHKT và chỗ ở: Xóm 16, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định; Quốc tịch: Việt Nam; dân Tộc: Kinh; tôn Giáo: Đạo thiên chúa; trình độ văn hóa: 9/12; nghề nghiệp: Tự do; con ông Lê Văn Điền, sinh năm 1955 và bà Nguyễn Thị Láng, sinh năm 1958; gia đình có 7 anh chị em, bị cáo là con thứ năm. Bị cáo chưa có vợ, con. Tiền án: Bản án hình sự sơ thẩm số 66/2013/HSST ngày 26/11/2013 của TAND huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định xử phạt 48 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 136 BLHS năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 và 24 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 BLHS năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009, tổng hợp hình phạt của cả 2 tội là 72 tháng tù; tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 13/9/2019 đến ngày 19/9/2019 chuyển tạm giam tại Trại tạm giam – Công an tỉnh Nam Định.

2. Họ và tên: Phạm Văn P, tên gọi khác: Không; giới tính: Nam; sinh năm 1994; ĐKKHKT và nơi ở: Xóm 6, xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; Quốc tịch: Việt Nam; dân Tộc: Kinh; tôn Giáo: Không; trình độ văn hóa: 9/12; nghề nghiệp: Tự do; con ông Phạm Văn Q, sinh năm 1969 và bà Phạm Thị T, sinh năm 1969; gia đình có 3 chị em, bị cáo là con thứ hai. Bị cáo chưa có vợ, con; tiền án: Bản án hình sự sơ thẩm số 08/2014/HSST ngày 13/01/2014 của TAND tỉnh Thanh Hóa xử phạt 07 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích” theo khoản 3 Điều 104 BLHS năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 09/9/2019 đến ngày 18/9/2019 chuyển tạm giam tại Trại tạm giam - Công an tỉnh Nam Định.

*** Người bị hại:** Anh Bùi Đức L; trú tại Xóm 4, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định.

II. Nội dung vụ án như sau:

Lê Văn H và Phạm Văn P có quen biết với nhau khi cùng cải tạo tại Trại giam số 5 – Bộ công an. Sau khi ra trại, H rủ P đi cướp tài sản tại các cửa hàng

vàng trên địa bàn tỉnh Nam Định. H thống nhất, phân công P sẽ là người trực tiếp thực hiện hành vi cướp tài sản, còn H là người đứng ngoài đường, điều khiển xe mô tô đợi sẵn, hỗ trợ cho P. Sau khi bàn bạc, thống nhất, khoảng 16h ngày 07/9/2019 tại cửa hàng vàng Đức L của anh Bùi Đức L, có địa chỉ ở xóm 14, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định, Phạm Văn P có hành vi sử dụng bình xịt hơi cay tấn công anh L, chị Nguyễn Thị M2 (là chị dâu anh L), chị Đinh Thị H (là vợ anh L), làm cho anh L, chị M2, chị H lâm vào tình trạng không thể chống cự được; Sau đó P dùng búa đập vỡ tủ kính lấy đi 04 kiềng vàng và 01 dây chuyền vàng có tổng giá trị là 127.944.500 đồng, rồi nhảy lên xe mô tô Lê Văn H đợi sẵn ngoài đường, cùng chạy thoát.

Bản Cáo trạng số 89/CT-VKS-P3 ngày 08/11/2019 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định đã truy tố: Các bị cáo Lê Văn H và Phạm Văn P về tội “Cướp tài sản” theo các điểm đ, h khoản 2 Điều 168 BLHS năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Vụ án thuộc nhóm tội xâm phạm sở hữu, ba ngành làm án tỉnh Nam Định đã họp, thống nhất xác định là án trọng điểm để điều tra, truy tố, xét xử phục vụ yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm và nhiệm vụ chính trị của địa phương. Vì vậy trong quá trình xét xử vụ án, Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định luôn quán triệt và nghiêm túc thực hiện quan điểm chỉ đạo của Thường trực Tỉnh ủy, phối kết hợp chặt chẽ với Cơ quan CSĐT – Công an tỉnh Nam Định, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định để đảm bảo xét xử đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, giữ vững tình hình trật tự, an ninh tại địa phương nơi xảy ra vụ án; chấp hành nghiêm việc báo cáo tình hình, tiến độ, kết quả giải quyết ở từng giai đoạn tố tụng với Thường trực Tỉnh ủy và Ban Nội chính Tỉnh ủy.

Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định xin trân trọng báo cáo.

Nơi nhận:

- Như kính gửi (để b/c);
- Đ/c Chánh án Tòa án tỉnh (để báo cáo);
- Lưu VP, THS.

**K.T CHÁNH ÁN
PHÓ CHÁNH ÁN**

Lê Hoài Nam